

【大阪府】主な野菜の作付面積と収穫量

	作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比			
				作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)	
指 定 野 菜	キャベツ	225	9,190	8,510	97	96	96
	春キャベツ	42	1,500	1,440	98	95	94
	夏秋キャベツ	3	78	66	nc	nc	nc
	冬キャベツ	180	7,610	7,000	97	96	96
	きゅうり	44	1,680	1,550	98	98	97
	冬春きゅうり	4	315	286	nc	nc	nc
	夏秋きゅうり	40	1,360	1,260	98	93	93
	さといも	49	839	728	102	101	101
	秋冬さといも	48	835	726	100	101	101
	その他さといも	1	4	2	nc	nc	nc
	だいこん	30	1,200	792	nc	nc	nc
	春だいこん	4	121	99	nc	nc	nc
	夏だいこん	-	-	-	nc	nc	nc
	秋冬だいこん	26	1,080	693	nc	nc	nc
	たまねぎ	100	3,130	2,850	96	86	87
	トマト	50	2,170	1,960	nc	nc	nc
	ミニトマト	5	202	182	nc	nc	nc
	加工用トマト	-	-	-	nc	nc	nc
	冬春トマト	12	844	793	nc	nc	nc
	冬春ミニトマト	2	129	116	nc	nc	nc
	夏秋トマト	38	1,330	1,170	nc	nc	nc
	夏秋ミニトマト	3	73	66	nc	nc	nc
	夏秋加工用トマト	-	-	-	nc	nc	nc
	なす	96	6,070	5,940	99	95	95
	冬春なす	50	3,890	3,820	100	97	97
	夏秋なす	46	2,180	2,120	98	92	91
	にんじん	6	137	100	nc	nc	nc
	春夏にんじん	3	69	59	nc	nc	nc
	秋にんじん	-	-	-	nc	nc	nc
	冬にんじん	3	68	41	nc	nc	nc
	ねぎ	257	6,240	5,900	101	102	102
	春ねぎ	53	1,560	1,480	98	99	99
	夏ねぎ	75	1,430	1,370	nc	nc	nc
	秋冬ねぎ	129	3,250	3,050	nc	nc	nc
	はくさい	26	1,130	949	nc	nc	nc
	春はくさい	1	34	24	nc	nc	nc
	夏はくさい	-	-	-	nc	nc	nc
	秋冬はくさい	25	1,100	925	nc	nc	nc
	ばれいしょ	71	778	476	nc	nc	nc
	春ばれいしょ	63	687	409	nc	nc	nc
秋ばれいしょ	8	91	67	nc	nc	nc	
ピーマン(しとう舎)	3	55	38	nc	nc	nc	
冬春ピーマン	-	-	-	nc	nc	nc	
夏秋ピーマン	3	55	38	nc	nc	nc	
ほうれんそう	138	1,930	1,780	nc	nc	nc	
レタス(サラダ菜舎)	23	449	422	105	100	100	
サラダ菜	3	50	46	300	227	242	
春レタス(サラダ菜舎)	8	174	157	nc	nc	nc	
春サラダ菜	1	15	14	nc	nc	nc	
夏秋レタス(サラダ菜舎)	6	121	118	nc	nc	nc	
夏秋サラダ菜	1	21	20	nc	nc	nc	
冬レタス(サラダ菜舎)	9	154	147	100	98	98	
冬サラダ菜	1	14	12	100	100	100	

	作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比				
				作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)		
特	アスパラガス	1	4	4	nc	nc	nc	
	いちご	24	401	321	nc	nc	nc	
	えだまめ	130	1,150	1,050	100	103	103	
	かぶ	8	199	149	nc	nc	nc	
	かぼちゃ	12	160	48	nc	nc	nc	
	カリフラワー	9	199	185	100	100	99	
	かんしょ	…	…		nc	nc		
	グリーンピース	33	190	105	100	101	101	
	ごぼう	19	475	432	nc	nc	nc	
	こまつな	189	3,570	3,320	99	96	96	
	さやいんげん	24	204	170	nc	nc	nc	
	さやえんどう	18	67	46	nc	nc	nc	
	ししとう	2	36	32	nc	nc	nc	
	冬春ししとう	-	-	-	nc	nc	nc	
定	夏秋ししとう	2	36	32	nc	nc	nc	
	しゅんぎく	184	3,330	3,160	100	98	98	
	しょうが	0	0	0	nc	nc	nc	
	スイートコーン	34	333	217	nc	nc	nc	
	ずいか	33	574	183	nc	nc	nc	
	セルリー	1	20	19	nc	nc	nc	
	そらまめ	35	168	109	100	98	98	
	菜	ちんげんさい	2	27	23	nc	nc	nc
		にら	0	2	2	nc	nc	nc
		にんにく	2	11	8	nc	nc	nc
		ふき	11	790	743	100	100	100
		ブロッコリー	32	451	420	100	97	97
		みずな	45	963	905	100	96	96
		みつば	26	585	567	100	102	102
メロン		1	17	14	nc	nc	nc	
温室メロン		-	-	-	nc	nc	nc	
やまのいも		0	1	1	nc	nc	nc	
ながいも		-	-	-	nc	nc	nc	
れんこん		5	74	60	nc	nc	nc	

資料：農林水産省「令和4年産野菜生産出荷統計」及び「令和4年産作物統計」

注：表中に用いた記号「0」：単位に満たないもの(例：0.4ha→0ha)、「-」：事実のないもの、「…」：事実不詳又は調査を欠くもの、「nc」：計算不能